

So sánh ảnh hưởng của việc tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN và Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương đến thương mại quốc tế của Việt Nam^{*}

HÀ VĂN HỘI

Trên cơ sở so sánh các nội dung đàm phán hướng tới việc ra đời của Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) vào 2015 và đàm phán Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), cũng như những mục tiêu mà AEC và TPP hướng tới, bài viết phân tích, so sánh mức độ và phạm vi tự do hóa thương mại trong AEC và TPP; từ đó, so sánh và đánh giá những tác động của tự do hóa thương mại trong AEC và TPP tới thương mại quốc tế của Việt Nam.

1. Tổng quan về Cộng đồng kinh tế ASEAN và Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương

1.1. Mục tiêu hướng tới của Cộng đồng kinh tế ASEAN và Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương

• Mục tiêu của Cộng đồng kinh tế ASEAN

Qua 47 năm hình thành và phát triển, hợp tác kinh tế là lĩnh vực mà ASEAN đã đạt được mức độ hội nhập sâu, rộng nhất. Sự ra đời của Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) là sự tiếp nối của các chương trình hợp tác kinh tế nội khối ASEAN. Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) và Hiệp định khung về thương mại dịch vụ ASEAN (AFAS) cùng hàng trăm biện pháp trong Kế hoạch tổng thể hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN năm 2015 sẽ mở ra một khu vực kinh tế phát triển năng động. Mục tiêu mà AEC hướng tới: đến năm 2015, ASEAN sẽ trở thành:

(i) Một thị trường duy nhất và một cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề.

(ii) Một khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao.

(iii) Một khu vực phát triển kinh tế đồng

nhất là thực hiện có hiệu quả Sáng kiến liên kết ASEAN (IAI).

(iv) Một khu vực ASEAN hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.

Đồng thời, ASEAN nhất trí đề ra cơ chế thực hiện và lộ trình chiến lược thực hiện kế hoạch tổng thể. ASEAN cũng nhất trí xác định 12 lĩnh vực ưu tiên đẩy nhanh liên kết với lộ trình hoàn thành đến năm 2010, đó là: hàng nông sản; ô tô; điện tử; nghề cá; các sản phẩm từ cao su; dệt may; các sản phẩm từ gỗ; vận tải hàng không; thương mại điện tử ASEAN; chăm sóc sức khỏe; du lịch; và logistics.

• Mục tiêu của Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương

Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương, một hiệp định thương mại tự do giữa 12 nước thuộc hai bờ Thái Bình Dương, đến nay đã trải qua 19 vòng đàm phán chính thức và nhiều cuộc gặp không chính thức. TPP đang được kỳ vọng sẽ trở thành một khuôn khổ thương mại toàn diện, có chất lượng cao và là khuôn mẫu của thế kỷ XXI. Mục tiêu mà TPP

Hà Văn Hội, PGS.TS, Trường đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

^{*} Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ đề tài cấp nhà nước "Cộng đồng kinh tế ASEAN trong bối cảnh mới của thế giới và sự tham gia của Việt Nam".

hướng tới là tạo điều kiện cho các quốc gia tham gia đàm phán TPP:

i) Tiếp cận thị trường một cách toàn diện, theo đó hàng hóa của các nước thành viên được tiếp cận thị trường của nhau một cách dễ dàng hơn, do ít nhất 90% các dòng thuế được cắt giảm ngay hoặc thực hiện với lộ trình rất ngắn xuống 0%. Đồng thời, các hạn chế về dịch vụ được đồng loạt xóa bỏ nhằm tạo ra những cơ hội mới cho người lao động và doanh nghiệp cũng như những lợi ích trực tiếp cho người tiêu dùng.

ii) Xây dựng một hiệp định khu vực toàn diện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại và phát triển chuỗi sản xuất và cung ứng giữa các thành viên TPP, hỗ trợ mục tiêu tạo việc làm, nâng cao mức sống và cải thiện phúc lợi tại các nước thành viên.

iii) Hình thành khung hiệp định trên cơ sở những thỏa thuận đã thực hiện trong khuôn khổ Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và các diễn đàn khác và bằng việc đưa vào TPP vấn đề mới và mang tính xuyên suốt gồm: gắn kết môi trường chính sách, năng lực cạnh tranh và tạo thuận lợi cho kinh doanh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển.

iv) Coi các vấn đề mới nổi lên trong thương mại toàn cầu như một phần của đàm phán TPP. Các công nghệ mới sẽ tạo ra những cơ hội mới cho thương mại và đầu tư giữa các thành viên, đồng thời cũng làm nảy sinh những vấn đề thương mại mới tiềm ẩn cần giải quyết để có thể thúc đẩy thương mại hàng hóa và dịch vụ, đảm bảo tất cả các nền kinh tế các nước TPP đều được hưởng lợi.

v) Xây dựng TPP thành một hiệp định mở, cho phép hiệp định này tiếp tục phát triển để đáp ứng những tiến triển mới trong thương mại, công nghệ hoặc các vấn đề và thách thức mới.

1.2. So sánh Cộng đồng kinh tế ASEAN và Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương

- Như trên đã nêu, AEC hướng tới sẽ hình thành một thị trường chung, thống nhất. Do đó, AEC là cấp độ phát triển cao hơn so với

hợp tác và tự do hóa thương mại như TPP. Mặc dù, TPP là một bước phát triển mới về chất lượng cam kết, nhưng TPP cũng mới chỉ dừng lại ở cấp độ hợp tác và tự do hóa thương mại khu vực.

- AEC và TPP cùng hướng tới tự do hóa thương mại khu vực. Mục tiêu của AEC là tạo dựng một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất cho các quốc gia thành viên, thúc đẩy dòng chu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và lao động có tay nghề trong khối. Trên cơ sở đó, AEC thúc đẩy tự do hóa thương mại nội khối và đẩy nhanh quá trình gắn kết các thành viên trong một sân chơi chung, nhằm thúc đẩy sự thịnh vượng của từng thành viên. Còn TPP không chỉ bao gồm tự do hóa sâu trong lĩnh vực thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và đầu tư, mà còn đặt ra những tiêu chuẩn nghiêm ngặt về môi trường, lao động, quyền sở hữu trí tuệ... Bên cạnh đó, TPP còn đề cập tới nhiều biện pháp để thúc đẩy hợp tác liên quan tới hoạch định chính sách, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, phát triển chuỗi cung ứng giữa các nước thành viên, nâng cao sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ vào quá trình lưu thông hàng hóa giữa các quốc gia thành viên TPP cũng như tạo điều kiện để thúc đẩy sự phát triển chung của các quốc gia thành viên.

2. So sánh phạm vi, mức độ tự do hóa thương mại trong Cộng đồng kinh tế ASEAN và Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương

2.1. Về phạm vi và mức độ tự do hóa thương mại trong Cộng đồng kinh tế ASEAN và Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương

2.1.1. Đối với AEC

Mục tiêu mà AEC hướng tới là nhằm tạo điều kiện cho hàng hóa, dịch vụ, vốn, công nghệ và lao động có tay nghề sẽ được tự do lưu chuyển trong ASEAN mà không chịu bất cứ hàng rào hay sự phân biệt đối xử nào. Để đạt được mục tiêu này, các cam kết cụ thể bao gồm:

Về cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan, các

quốc gia ASEAN thống nhất trong ATIGA thực hiện theo cơ chế phân chia các loại hàng hóa thành 08 danh mục cắt giảm thuế quan khác nhau (thay vì 4 danh mục như trong Hiệp định CEPT) với các lộ trình cắt giảm, xóa bỏ thuế quan chi tiết, linh hoạt hơn¹ so với Hiệp định CEPT (Điều 19) nhằm tiến tới xóa bỏ hoàn toàn thuế quan (mức thuế 0%) đối với tất cả các sản phẩm² trong quan hệ nội khối vào năm 2010 đối với ASEAN 6 và vào năm 2015, linh hoạt tới năm 2018 với Campuchia, Lào, Mianma và Việt Nam (CLMV). Trên cơ sở tuân thủ lộ trình chung được vạch sẵn, mỗi quốc gia thành viên sẽ xây dựng lộ trình cắt giảm thuế quan chi tiết của mình phù hợp. Các quốc gia thành viên cũng có quyền lựa chọn kênh cắt giảm thuế nhanh hoặc kênh cắt giảm thông thường. Xét một cách tổng quát, hình thức tiến hành hoạt động tự do hóa thương mại hàng hóa trong AEC được quy định tương đối linh hoạt và mở, thể hiện ưu đãi đối với quốc gia kém phát triển hơn trong khu vực như: kéo dài thời gian thực hiện lộ trình, được hỗ trợ nhiều hơn về kỹ thuật, giảm bớt một số nghĩa vụ... Ví dụ: các quốc gia CLMV được thực hiện CEPT chậm hơn so với lộ trình chung theo nguyên tắc -X. Cơ chế mềm dẻo nhưng rất cụ thể và rõ ràng đã tạo nên hiệu quả đáng kể trong việc thực hiện tự do hóa thương mại hàng hóa của ASEAN khi chương trình CEPT đã được rút ngắn xuống 10 năm so với ban đầu cùng rất nhiều những thành quả khác không chỉ trong khối ASEAN 6 mà còn đối với cả nhóm nước CLMV. Ngoài ra, cách thức thực hiện cắt giảm, xóa bỏ thuế quan của AEC cũng tương đối đơn giản, hàng hóa căn cứ theo mức thuế suất hiện tại sẽ được cắt giảm dần từng bước giữa nhóm các danh mục hàng hóa khác nhau để đạt mức thuế xuất xác định (0-5% đối với CEPT và ATIGA là 0%). Ví dụ: các loại hàng hóa trong TEL (Danh mục sản phẩm tạm thời chưa giảm thuế - Temporary exclusion list) sẽ bắt đầu cắt giảm chậm hơn so với IL (Danh mục sản phẩm cắt giảm thuế ngay - the Inclusion list) 3 năm và kể từ một thời điểm xác định,

20% các mặt hàng từ TEL sẽ được chuyển dần xuống IL mỗi năm và đến hết thời hạn chuyển (5 năm) thì IL bao trùm TEL và TEL không còn tồn tại nữa (theo CEPT).

Về các rào cản phi thuế quan, phương thức thực hiện hoạt động này cũng được CEPT, ATIGA quy định tương đối uyển chuyển với các bước tiến hành cụ thể, ưu tiên các quốc gia CLMV được kéo dài lộ trình xóa bỏ các rào cản phi thuế quan trong danh sách đã được xác định (thông qua việc Hội đồng AFTA chấp thuận bảng tự kê khai xóa bỏ của quốc gia thành viên hoặc ủy ban điều phối thực hiện ATIGA rà soát và xác định).

Về thuận lợi hóa thương mại hàng hóa: chương trình đàm phán Thuận lợi hóa thương mại tại ASEAN (ATFWP) năm 2008 đã kêu gọi các quốc gia thành viên đơn giản hóa quy tắc xuất xứ, thống nhất những tiêu chuẩn về sản phẩm và kỹ thuật. Trong chương trình này, các quốc gia cũng nỗ lực thực hiện đàm phán để hướng tới thành lập "Một cửa ASEAN" (ASEAN single window - ASW) với mục đích: (i) thông nhất việc khai báo thông tin, dữ liệu; (ii) đồng bộ quá trình xử lý thông tin và dữ liệu; (iii) thống nhất các thủ tục xuất nhập khẩu. ASEAN đã tách biệt hẳn thuận lợi hóa thương mại hàng hóa độc lập với xóa bỏ rào cản thương mại nhằm nhấn mạnh cũng như khẳng định tầm quan trọng của phương thức này trong tự do hóa thương mại hàng hóa. ASEAN dành một chương riêng biệt trong ATIGA quy định về cách thức thuận lợi hóa thương mại với những nguyên tắc rõ ràng, cụ thể tại chương 5 của hiệp định. Ngoài ra ATIGA còn đòi hỏi mỗi quốc gia thành viên phải thành lập một ủy ban điều phối thuận lợi hóa thương mại

1. ATIGA quy định rõ số dòng thuế được lùi thời hạn xóa bỏ thuế quan đến năm 2018 với nhóm bốn nước Campuchia, Lào, Mianma, Việt Nam (CLMV), đồng thời, cho phép tạm ngừng hoặc điều chỉnh cam kết thực hiện nghĩa vụ cắt giảm, xóa bỏ thuế quan giữa các nước trong khối ASEAN.

2. Trừ các sản phẩm thuộc diện loại trừ hoàn toàn theo Danh mục H (Điều 19, Khoản 2, Điểm h Hiệp định ATIGA).

hoặc điểm hỏi đáp ở cấp quốc gia, cho thấy nỗ lực của ASEAN trong việc thực hiện phương thức này. Nhìn chung, phương thức tách biệt này là khá mềm dẻo phù hợp và có khả năng đem lại hiệu quả cao.

Thụận lợi hóa thương mại trong AEC còn thể hiện trong việc đẩy mạnh hợp tác hải quan ASEAN. Điều này chính là sự tiếp nối của việc ký kết giữa các Tổng cục trưởng Hải quan ASEAN năm 1983 về Bộ quy tắc ứng xử hải quan ASEAN và được điều chỉnh vào năm 1995. Thông qua Bộ quy tắc này, các nước thành viên cam kết tạo thuận lợi cho thương mại nội khối bằng cách đơn giản hóa và hài hoà hóa các thủ tục thương mại và nâng cao hợp tác khu vực trong lĩnh vực hải quan. Cam kết tiếp tục được mở rộng với việc ký kết Hiệp định Hải quan ASEAN tại Hội nghị Bộ trưởng Tài chính ASEAN lần thứ nhất vào ngày 1-3-1997 tại Phuket, Thái Lan. Hiệp định quán triệt các nguyên tắc về sự nhất quán, đơn giản, hiệu quả, minh bạch, để giải quyết khiếu nại và hỗ trợ lẫn nhau mà Bộ quy tắc ứng xử hải quan đã đề ra. Trong khi Hiệp định tạo ra khuôn khổ pháp lý cho diễn đàn hải quan ASEAN thì ngày 23-5-1997 các nước thành viên đã thông qua Tầm nhìn hải quan ASEAN đến năm 2020 tại Bandar Seri Begawan, Brunei Darussalam. Để đẩy nhanh quá trình hội nhập khu vực, ngày 18-6-2008 các Tổng cục trưởng Hải quan ASEAN đã thông qua Tầm nhìn hải quan ASEAN 2015 tại Viêng Chăn, Lào. Bên cạnh đó, hiện nay hải quan các nước ASEAN đang nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật của một số đối tác đối thoại như Australia, Nhật Bản và Niu Dilân. Ưu tiên hàng đầu là tập trung vào các biện pháp giúp các nước thành viên có được những tiếp cận về thủ tục hải quan hiện đại và thân thiện với doanh nghiệp như ứng dụng các kỹ thuật quản lý rủi ro, thực hiện Hiệp định Trị giá WTO, thực hiện kiểm tra sau thông quan, minh bạch hóa thông tin với cộng đồng doanh nghiệp, tạo thuận lợi về mặt thủ tục cho doanh nghiệp như phân loại thuế và thông quan trước khi hàng đến.

Về tự do hóa thương mại dịch vụ, ASEAN đã hoàn tất Gói 9 cam kết dịch vụ theo Hiệp định Khung ASEAN về dịch vụ (AFAS) trong năm 2013, tạo thuận lợi cho việc luân chuyển dịch vụ trong khu vực. Tới nay, các cam kết về tự do hóa dịch vụ trong ASEAN đã bao trùm nhiều lĩnh vực như dịch vụ kinh doanh, dịch vụ chuyên nghiệp, xây dựng, phân phối, giáo dục, môi trường, vận tải biển, viễn thông và du lịch. Có 4 gói cam kết về dịch vụ tài chính và 6 gói cam kết về vận tải hàng không đã được ký kết. Các thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRAs) giữa các nước thành viên ASEAN về tiêu chuẩn, trình độ, kỹ năng nghề nghiệp... là một công cụ quan trọng giúp tự do hóa lưu chuyển các dịch vụ chuyên nghiệp trong ASEAN. Tới nay, các nước ASEAN đã ký các thỏa thuận công nhận lẫn nhau đối với các tiêu chuẩn, kỹ năng các ngành dịch vụ cơ khí, y tá, kiến trúc, kế toán và du lịch.

2.1.2. Đối với TPP

Mục tiêu tổng thể của TPP là cắt giảm hầu hết các dòng thuế (ít nhất 90%), thực hiện ngay hoặc thực hiện với lộ trình rất ngắn. Đối với dịch vụ: tăng mức độ mở của các lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ tài chính. Đối với đầu tư: tăng cường các quy định liên quan đến đầu tư nước ngoài và bảo vệ nhà đầu tư. Về quyền sở hữu trí tuệ: tăng mức độ bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ cao hơn so với mức trong WTO. Đối với các biện pháp SPS (các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật – Sanitary and phytosanitary measures) và TBT (rào cản kỹ thuật liên quan đến thương mại – Technical barriers to trade): siết chặt các yêu cầu về vệ sinh dịch tễ và rào cản kỹ thuật. Cụ thể:

Về xóa bỏ thuế quan. Khi bắt đầu đàm phán, các nước TPP cam kết hướng tới xóa bỏ 100% các dòng thuế nhập khẩu nhằm đạt được một hiệp định thương mại tự do chất lượng cao. Tuy nhiên, trải qua cả chục vòng đàm phán, thực tế cho thấy mức tiêu này rất khó đạt khi mà mỗi nước dường như vẫn muốn giữ lại một số dòng thuế cho riêng

minh. Và nguy cơ này càng thể hiện rõ hơn sau khi TPP có sự tham gia của Nhật Bản – nước kiên quyết không xóa bỏ thuế quan đối với 5 mặt hàng nông nghiệp nhạy cảm nhất. Tháng 5-2014, Bộ trưởng Thương mại Niu Di-lân cho biết Chính phủ nước này có thể để mở khả năng một hiệp định TPP cuối cùng không xóa bỏ toàn bộ thuế quan đối với các sản phẩm nông nghiệp mà vẫn giữ lại một số dòng thuế, miễn sao vẫn đảm bảo một kết quả tổng thể cuối cùng “có chất lượng cao”. Còn trong Bản tóm tắt về các mục tiêu của Hoa Kỳ trong TPP trên website của Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) có chi tiết không kêu gọi xóa bỏ toàn bộ thuế quan như trước kia mà chỉ mong muốn đạt được “xóa bỏ thuế quan và mở cửa thị trường đáng kể cho hàng hóa xuất khẩu của Hoa Kỳ”. Điều này cũng được Tổng thống Mỹ Barack Obama khẳng định trong chuyến thăm Nhật Bản cuối tháng 4-2014, trong một thông điệp cá nhân rằng, Hoa Kỳ đã từ bỏ yêu cầu Nhật Bản phải xóa bỏ toàn bộ thuế quan cho thịt bò và thịt lợn nhập khẩu trong TPP.

Đối với mở cửa thị trường dịch vụ. TPP hướng tới tăng mức độ mở cửa của các loại dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ tài chính. Trải qua 17 phiên đàm phán, đến nay các bên đã đạt được sự thống nhất 16/21 điều khoản trong dự thảo lời văn của chương dịch vụ tài chính liên quan đến các nguyên tắc về chính sách quản lý, tự do hóa và mở cửa thị trường. Một số nghĩa vụ cam kết chính bao gồm không phân biệt đối xử giữa nhà cung cấp dịch vụ tài chính trong nước và nước ngoài, cho phép các tổ chức tài chính nước ngoài cung cấp dịch vụ tài chính qua biên giới trên một số lĩnh vực, sản phẩm tài chính, bảo hộ nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực tài chính, nghĩa vụ về minh bạch hóa... Ngoài các nghĩa vụ cam kết chung, các nước còn đặt ra các yêu cầu cam kết cụ thể về mở cửa thị trường và bảo hộ đầu tư đối với một số loại hình dịch vụ tài chính mới mà Việt Nam chưa có trên thị trường tài chính trong nước như mô hình bảo hiểm do các công ty bưu điện cung cấp, bảo hiểm

hợp tác xã, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư qua biên giới... Một số nghĩa vụ này đặt ra mức độ mở cửa cao hơn so với WTO, vì vậy được nhận định là khó khăn đối với Việt Nam.

Đối với quy định về điều kiện xuất xứ hàng hóa. Quy tắc xuất xứ thường được áp dụng và phân biệt thành hai loại, quy tắc xuất xứ không ưu đãi (non-preferential rules of origin) và quy tắc xuất xứ ưu đãi (preferential rules of origin). Quy tắc xuất xứ không ưu đãi được sử dụng để xác định xuất xứ của hàng hóa nhập khẩu từ những nước mà quốc gia đó có quan hệ thương mại thông thường hoặc quan hệ tối huệ quốc. Đây là công cụ chính để tính toán mức thuế quan đánh vào hàng nhập khẩu, hoặc phục vụ mục đích thống kê thương mại và mua sắm chính phủ.

2.2. So sánh phạm vi và mức độ tự do hóa thương mại trong Cộng đồng kinh tế ASEAN và Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương

Qua phân tích trên có thể thấy, AEC với đặc trưng là số lượng thành viên tương đối ít so với các liên kết kinh tế khác trên thế giới và trình độ phát triển có sự chênh lệch giữa các quốc gia thành viên, phương thức thực hiện tự do hóa thương mại của AEC không chỉ mang tính chất chung chung, tổng quát ở cấp độ khu vực mà là sự hướng dẫn cụ thể với mục tiêu rõ ràng và thời hạn cần thiết ở từng quốc gia phù hợp với trình độ phát triển kinh tế của nước đó. Đồng thời, AEC không đơn thuần là tập hợp của các cam kết tự do hóa thương mại, đầu tư mà được xây dựng dựa trên sự thống nhất, hài hòa cao về hệ thống tiêu chuẩn, quy trình quản lý hoạt động thương mại, đầu tư và khả năng điều phối chặt chẽ các chính sách vĩ mô giữa các nước thành viên. Điều này đã giúp cho các quốc gia kém phát triển lựa chọn được hướng đi đúng cho mình, tạo điều kiện phát triển kinh tế và tiến tới dần xóa bỏ khoảng cách phát triển. Ngoài ra, lợi thế về sự ra đời muộn của AEC cũng cho phép AEC kết thừa những ưu điểm về phương thức tự do hóa

thương mại của các tổ chức, các liên kết kinh tế có quy mô lớn và thời gian hoạt động dài như TPP, EU... Đó cũng là lý do giải thích cho nhiều điểm tương đồng giữa AEC với TPP hay EU.

Còn đối với TPP, với phạm vi điều chỉnh rộng và có xu hướng đàm phán tự do mạnh mẽ. Mặc dù với số lượng thành viên tham gia đàm phán hiện tại không nhiều hơn AEC, nhưng lại có góp mặt các cường quốc kinh tế hàng đầu như Mỹ, Nhật Bản... Tuy nhiên tính hiện thực về phạm vi và mức độ tự do hóa của TPP chưa được kiểm chứng bởi các nội dung đàm phán vẫn đang được giữ bí mật. Đồng thời, sự nhất trí giữa các quốc gia tham gia đàm phán cho đến nay vẫn chưa rõ ràng đặc biệt là sự nhượng bộ của Mỹ, Nhật, hai quốc gia hàng đầu trong TPP.

3. So sánh tác động của tự do hóa thương mại trong Cộng đồng kinh tế ASEAN và Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương tới thương mại quốc tế của Việt Nam

Thứ nhất, sau khi hình thành, cả AEC và TPP sẽ là một thị trường có quy mô lớn, đồng nghĩa với việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường hàng hóa và dịch vụ cho các quốc gia thành viên, trong đó có Việt Nam.

- AEC sẽ là sự liên kết về kinh tế trên cơ sở sản xuất thống nhất, hướng tới tự do thương mại về đầu tư, chu chuyển vốn, lao động, dịch vụ. Tham gia AEC sẽ giúp Việt Nam tăng thêm khối lượng trao đổi thương mại với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Bên cạnh đó, với việc hình thành RCEP theo mô hình của các FTA trong nội bộ Châu Á, loại bỏ thuế quan đối với khoảng 90% hàng hóa trong một khoảng thời gian khá dài sẽ tạo ra lợi ích rộng lớn hơn cho Việt Nam khi mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước bên ngoài ASEAN.

- Đối với TPP, Việt Nam tham gia TPP có thể xem như gia nhập "câu lạc bộ những nhà

theo chủ nghĩa tự do hóa". Với mức độ cam kết sâu hơn nhiều so với WTO, thậm chí nhiều lĩnh vực không có trong WTO sẽ giúp Việt Nam mở rộng khả năng trao đổi thương mại với các thị trường rộng lớn hơn như Mỹ, Nhật, Canada...

Thứ hai, Tham gia AEC và TPP giúp Việt Nam gia tăng khối lượng và kim ngạch hàng xuất khẩu.

- Trong lộ trình tự do hóa thương mại khu vực, tính đến ngày 1-1-2010, các nước ASEAN-6 đã hoàn thành mục tiêu xóa bỏ thuế quan đối với 99,65% số dòng thuế. Các nước CLMV đã đưa 98,86% số dòng thuế tham gia Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung để xây dựng Khu vực Thương mại tự do ASEAN (CEPT-AFTA) về mức 0-5%. Mức cắt giảm thuế quan như vậy đã tạo thuận lợi cho xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, góp phần làm tăng khối lượng trao đổi thương mại của Việt Nam với các nước trong khu vực. Theo Bộ Công thương, kim ngạch nhập khẩu của toàn khối ASEAN (không tính Mianma) bình quân đạt khoảng 1.329 tỷ USD/năm và xuất khẩu đạt 1.460,8 tỷ USD/năm; trong đó, Việt Nam chiếm khoảng 7,36% kim ngạch xuất khẩu và 8,5% kim ngạch nhập khẩu. Trong thời gian tới, nếu AEC được thành lập và hoạt động một cách toàn diện thì thuận lợi hóa thương mại trong khu vực sẽ là cơ hội lớn cho Việt Nam để hình thành nên hiệu ứng "tạo thêm thương mại", tức là làm tăng thêm khối lượng trao đổi thương mại của Việt Nam với các nước trong ASEAN.

Xuất khẩu của Việt Nam còn có cơ hội tăng trưởng cao bởi theo quy định chung của ASEAN, các sản phẩm sản xuất có tỷ lệ "nội khối" 40% được xem là sản phẩm vùng ASEAN, sẽ được hưởng các ưu đãi khi xuất khẩu sang các thị trường khu vực ASEAN đã có FTA. Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam có điều kiện giảm chi phí, hạ giá thành hàng xuất khẩu, góp phần gia tăng năng lực cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu trong nước sang thị trường khu vực. Và cũng chính điều

này tạo ra cơ hội cho Việt Nam giảm nhập siêu. Theo Bộ Công thương, mỗi năm Việt Nam phải nhập khẩu lượng hàng hóa có kim ngạch hàng chục tỷ USD, trong đó nhiều nhất là máy móc thiết bị và các sản phẩm phục vụ tiêu dùng từ nhiều nước trên thế giới. Đơn cử, năm 2012 Việt Nam nhập khẩu 113,79 tỷ USD và năm 2013 đã tăng lên 132,12 tỷ USD. Trước thực tế trên, việc đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường chủ lực như Mỹ, EU, đặc biệt là khối ASEAN đang là một hướng đi quan trọng để giảm nhập siêu. Trong những năm gần đây, ASEAN liên tục thuộc nhóm các thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam. Theo số liệu thống kê của hải quan Việt Nam, năm 2013, ASEAN là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam, với kim ngạch xuất khẩu đạt 18,47 tỷ USD, tăng 4,4% so với năm trước đó, đứng sau Mỹ và EU. Với lợi thế là khu vực phát triển năng động, gần gũi về địa lý, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và ASEAN có mức tăng trưởng cao. Trong vòng 11 năm, quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước ASEAN phát triển mạnh, tổng giá trị kim ngạch thương mại đã tăng khoảng 4,5 lần (từ 8,9 tỷ USD vào năm 2003 lên 40 tỷ USD vào năm 2013) và chiếm gần 20% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước. Dự báo trước thêm AEC (năm 2015), xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường ASEAN sẽ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ổn định nhờ hưởng ưu đãi thuế quan với tổng số trên 99% dòng thuế của ASEAN 6 (gồm Brunây, Indônêxia, Malaixia, Philippin, Xingapo và Thái Lan) sẽ về mức 0% vào năm 2015 theo Hiệp định về thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA).

Bên cạnh đó, tham gia AEC, Việt Nam sẽ có cơ hội mở rộng thị phần của hàng hóa Việt Nam tại thị trường các nước ngoài khối ASEAN thông qua các FTA của ASEAN+. Trong giai đoạn 2006-2013, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia, Niu Dilân và Ấn Độ (các đối tác ASEAN+) là hơn 20%, cao hơn so với tốc

độ tăng trưởng xuất khẩu chung (khoảng 15%) và cao hơn tốc độ tăng nhập khẩu trong cùng thời kỳ. Do hiệu ứng của FTA, diện mặt hàng xuất khẩu sang một số đối tác, như ASEAN, Ấn Độ và Nhật Bản đã đa dạng hơn. Nhìn chung, các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam đều có khả năng hưởng lợi từ AEC và các FTA ASEAN+ AEC và các FTA ASEAN+ đã có tác động tích cực tới việc mở rộng thị phần của hàng Việt Nam trên các thị trường có liên quan, rõ nhất là tại các nước ASEAN, Hàn Quốc và Nhật Bản. Thị phần của hàng Việt Nam trên các thị trường này đã tăng đột biến và giữ được sức tăng ổn định ngay sau khi các FTA có hiệu lực. Các doanh nghiệp của ta ngày càng chủ động và tích cực hơn trong việc tận dụng các ưu đãi về thuế trong các FTA. Tỷ lệ hàng hóa được hưởng ưu đãi của ta (đáp ứng được yêu cầu về xuất xứ) cao so với các đối tác trong khu vực và luôn có xu hướng tăng lên qua các năm thực hiện. Riêng với Hàn Quốc, trên 90% hàng xuất khẩu của ta được hưởng ưu đãi về thuế thông qua FTA ASEAN - Hàn Quốc. Các hiệp định AEC và ASEAN+ còn giúp ổn định nguồn nhập khẩu và hạ giá đầu vào nhập khẩu. Do nhập khẩu thường xuyên chiếm khoảng 80% GDP của Việt Nam nên việc ổn định nguồn nhập khẩu và hạ giá đầu vào nhập khẩu có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc duy trì tăng trưởng kinh tế nói chung và tăng trưởng xuất khẩu nói riêng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi về mở rộng quy mô thị trường, doanh nghiệp có điều kiện hạ giá thành sản phẩm xuất khẩu, các doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với những thách thức: AEC tạo ra thị trường chung, không còn rào cản không gian kinh tế, hàng hóa, dịch vụ, vốn... Do đó, sẽ có sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các quốc gia thành viên trong khu vực đối với việc thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài vào ASEAN đối với những ngành sử dụng nhiều lao động phổ thông cũng như đất đai trong suốt quá trình thực hiện CEPT/AFTA.

- Đối với việc tham gia TPP, cũng tương tự

nhu AEC, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam có cơ hội tiếp cận tốt hơn thị trường các nước đối tác khi các dòng thuế quan được giảm thiểu tối đa. Trên thị trường các nước TPP, khi hàng hóa của Việt Nam đang phải chịu mức thuế suất cao và thuế quan là vấn đề duy nhất cản trở sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam, thì khi mức thuế suất giảm sâu xuống rất thấp hoặc bằng 0% thì cơ hội thâm nhập thị trường các nước này sẽ cao hơn hiện nay. Đặc biệt, với các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, hàng rào thuế quan được cắt giảm sẽ mang đến một lợi thế cạnh tranh cũng như triển vọng hết sức sáng sủa cho nhiều ngành hàng của Việt Nam, kéo theo đó là lợi ích cho một bộ phận lớn người lao động hoạt động trong các lĩnh vực phục vụ xuất khẩu. Chẳng hạn, trong số các mặt hàng xuất khẩu truyền thống, chủ lực của Việt Nam thì dệt may đứng đầu, tiếp đến là giày dép, gỗ và sản phẩm gỗ, thủy sản với kim ngạch xuất khẩu năm 2012 đạt tương ứng 7,5 tỷ USD, 2,3 tỷ USD, 1,8 tỷ USD và 1,2 tỷ USD. Nếu Mỹ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng này thì đây sẽ là lợi thế vô cùng lớn, (dệt may và giày dép là những nhóm mặt hàng Mỹ đang áp dụng thuế rất cao (12 - 48%). Lợi ích này không chỉ dừng lại ở những nhóm mặt hàng mà Việt Nam đang có thế mạnh xuất khẩu (ví dụ như dệt - may, thủy sản, giấy dép...), đồng thời, cắt giảm thuế quan còn là động lực để nhiều nhóm mặt hàng khác hiện chưa có kim ngạch xuất đáng kể có điều kiện để gia tăng sức cạnh tranh. Nói một cách khác, lợi thế này không chỉ nhìn từ góc độ hiện tại mà còn được nhìn thấy ở cả tiềm năng trong tương lai. Tuy nhiên xét trên góc độ khác, mặc dù hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sẽ có được lợi thế cạnh tranh từ việc cắt giảm thuế quan khi tham gia TPP. Nhưng những lợi thế này có thực sự đem lại lợi ích cho doanh nghiệp xuất khẩu hay không còn phụ thuộc vào quy tắc xác định nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa. Chẳng hạn, đối với hàng dệt - may, khi xuất khẩu phải đảm bảo toàn bộ khâu dệt,

nhuộm, cắt may phải được thực hiện trong khu vực TPP đang đề xuất. Đây là một khó khăn rất lớn cho doanh nghiệp dệt - may Việt Nam khi mà hiện tại phần lớn nguyên liệu được nhập khẩu từ ngoài TPP, chủ yếu là từ Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc... Nếu thực hiện theo quy tắc xuất xứ này thì mô hình sản xuất dệt - may hiện nay của Việt Nam sẽ không đem lại giá trị lợi ích nào. Như vậy, muốn có được lợi ích này thì Việt Nam phải đầu tư vào thương mại nguồn ngành dệt. Tuy nhiên, việc đầu tư này đòi hỏi thời gian dài với số vốn khổng lồ và có lẽ chỉ trông chờ chủ yếu vào vốn đầu tư nước ngoài.

Đây là điều khác biệt so với AEC, bởi AEC đã là một thị trường chung, thống nhất thì không có ràng buộc đối với các quốc gia thành viên về điều kiện này.

Thứ ba, cả AEC và TPP đều có những nội dung liên quan đến thuận lợi hóa thương mại. Thuận lợi hóa thương mại hàng hóa bao gồm các biện pháp, chính sách và chương trình nhằm tạo ra một môi trường thuận lợi, nhất quán và minh bạch và có thể dự đoán được đối với trao đổi thương mại hàng hóa giữa các quốc gia thành viên, bao gồm các biện pháp liên quan đến thủ tục hải quan; các biện pháp hải hòa, nhất thể hóa hàng rào tiêu chuẩn và kỹ thuật trong thương mại... Các biện pháp này tuy không tác động rõ nét, nhanh chóng tới tiến trình tự do hóa thương mại hàng hóa như các biện pháp dỡ bỏ rào cản thương mại nhưng thuận lợi hóa thương mại hàng hóa vẫn là một trong các nội dung quan trọng tạo điều kiện cho luồng hàng hóa di chuyển thuận lợi giữa các quốc gia

- Việc AEC ra đời có nghĩa là ASEAN đã xây dựng thành công thị trường hàng hóa đơn nhất giữa các quốc gia ASEAN. Ngoài mục tiêu xóa bỏ hàng rào thuế quan, ATIGA hướng nỗ lực chung của ASEAN để xử lý tối đa các hàng rào phi thuế quan, hợp tác hải quan và vệ sinh, kiểm dịch..., đồng thời xác lập mục tiêu hải hòa chính sách giữa các thành viên ASEAN trong bối cảnh xây dựng

AEC. Thông qua những chính sách như đơn giản hóa thủ tục hải quan, nâng cao hiệu quả của quá trình quản lý xuất nhập khẩu, thời gian và chi phí cho việc vận chuyển hàng hóa từ nước này qua nước khác ở ASEAN giảm đi đáng kể. Theo đó, nhiều giao dịch có thể được thực hiện một cách dễ dàng làm tăng lưu lượng thương mại (OECD, 2011). Từ đó cho thấy, thuận lợi hóa thương mại trong AEC sẽ tạo ra sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu đối với những sản phẩm, ngành hay lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, sẽ có những ngành phải thu hẹp sản xuất do không cạnh tranh được với hàng nhập khẩu. Đây là thực tế của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mà các quốc gia, trong đó có Việt Nam tham gia vào tiến trình này cần chấp nhận, miễn là lợi ích thu được phải luôn lớn hơn chi phí của việc thay đổi cơ cấu do cạnh tranh. Tuy nhiên, cần lưu ý là nguyên nhiên vật liệu, máy móc, thiết bị nhập khẩu từ các thị trường nói trên thường xuyên chiếm tỷ trọng lớn trên tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam, nên nếu giảm được giá đầu vào (thông qua giảm thuế) thì về tổng thể, lâu dài, nền kinh tế vẫn sẽ được lợi. Ngoài ra, khi các thủ tục xuất nhập khẩu sẽ đỡ rườm rà hơn và việc cải cách thủ tục xuất xứ, tiến tới cho phép doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ cũng sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thông quan hàng hóa sang các thị trường ASEAN.

- Đối với TPP, với tính chất là FTA nên các điều kiện về thuận lợi hóa thương mại chưa được đề cập đến. Chưa kể việc TPP quy định, hàng hóa xuất khẩu của các quốc gia thành viên muốn được hưởng mức thuế suất ưu đãi, phải đáp ứng các điều kiện phi thuế quan khá gắt gao trong đó có các yêu cầu về xuất xứ hàng hóa, môi trường, lao động... Chẳng hạn, TPP có những rào cản nhất định đối với ngành dệt may. Rào cản đó được thể hiện qua quy tắc xuất xứ như quy định về nguyên vật liệu để sản xuất ra sản phẩm may mặc phải đáp ứng yêu cầu từ sợi "yarn forward", hoặc nguyên liệu để sản xuất ra sản phẩm vải dệt

kim phải đáp ứng yêu cầu từ sợi "fiber forward"... Đây là một thách thức lớn đối với Việt Nam khi mà trong một số ngành chủ chốt như dệt may, da giày... phần lớn nguyên liệu được nhập khẩu từ ngoài TPP, chủ yếu là từ Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc.

Thứ tư, liên quan đến thương mại dịch vụ, cả AEC và TPP đều nhấn mạnh đến tự do hóa thương mại dịch vụ.

- Để hướng tới việc hình thành AEC vào 2015, ASEAN đã có những thỏa thuận giúp các bên sớm hoàn tất các thủ tục cần thiết để Hiệp định ASEAN về di chuyển thể nhân có hiệu lực, trên cơ sở đó tạo thuận lợi cho việc di chuyển của các cá nhân tham gia vào các hoạt động thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và đầu tư trong khu vực. Bên cạnh đó, việc thực thi Kế hoạch chiến lược du lịch ASEAN 2011 – 2015 cũng đang được tích cực triển khai nhằm tạo thuận lợi cho di chuyển của những người làm du lịch thông qua các thỏa thuận công nhận lẫn nhau. Tuy nhiên, điều này cũng tạo ra thách thức bởi sự thâm nhập sâu của các doanh nghiệp dịch vụ nước ngoài như: các doanh nghiệp logistics, các ngân hàng ở các quốc gia ASEAN 5, các tập đoàn phân phối lớn... với thế mạnh về nguồn vốn, mạng lưới, đa dạng về sản phẩm sẽ làm cho thị trường ngân hàng nội địa bão hòa và tạo áp lực cạnh tranh gay gắt đối với các phân ngành dịch vụ trong nước, vốn có quy mô nhỏ và nghèo nàn về sản phẩm.

- Đối với việc tham gia TPP, thách thức đối với thương mại dịch vụ khi tham gia TPP đối với Việt Nam cũng không nhỏ, bởi dịch vụ là lĩnh vực hoạt động thương mại mà Việt Nam cam kết mức độ mở cửa thị trường tương đối hạn chế. Tuy nhiên, so với cách thức đàm phán chọn-cho của WTO, phương pháp chọn-bỏ dự kiến trong đàm phán TPP sẽ khiến cho bức tranh mở cửa dịch vụ của Việt Nam đối với các đối tác TPP thay đổi mạnh mẽ. Đây cũng chính là điểm được suy đoán là sẽ tạo ra bất lợi lớn cho doanh nghiệp dịch vụ Việt Nam khi

tham gia TPP. Với TPP, sự tham gia mạnh mẽ và tự do hơn của các nhà cung cấp có tiềm lực lớn, có kinh nghiệm lâu năm, có ưu thế về dịch vụ trên thế giới (đặc biệt là các nhà cung cấp dịch vụ Hoa Kỳ) có thể khiến cho các đơn vị cung cấp dịch vụ của Việt Nam gặp khó khăn nghiêm trọng. Bên cạnh đó, lĩnh vực dịch vụ tài chính là lĩnh vực được các nước TPP rất quan tâm, đặc biệt là Mỹ với kỳ vọng đưa TPP trở thành Hiệp định tự do hóa của thế kỷ XXI với những cam kết sâu rộng về tiếp cận thị trường trên các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm và chứng khoán. Với trình độ phát triển thấp, Việt Nam phải đối mặt với các đề xuất mới và chịu nhiều sức ép về mở cửa thị trường. Do đó, quan điểm của Việt Nam trong vấn đề mở cửa thị trường dịch vụ là: trong quá trình đàm phán nếu nhấn mạnh tự do hóa hóa dịch vụ cần phải đi đôi với việc bảo vệ các loại dịch vụ công quan trọng thiết yếu đối với đời sống của người dân, bảo vệ sức khỏe con người, môi trường và tài nguyên thiên nhiên quan trọng.

Tóm lại, bên cạnh sự khác biệt về cấp độ hội nhập, nên AEC và TPP có những nội dung đàm phán khác nhau, qua đó ảnh hưởng đến thương mại quốc tế của Việt Nam cũng có những điểm khác nhau, nhưng cả AEC và TPP đều hướng tới tự do hóa thương

mại khu vực, một xu hướng tất yếu hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban thư ký ASEAN (2011), *Sổ tay kinh doanh trong cộng đồng kinh tế ASEAN*, Jakarta, tháng 11-2011.
2. Hiệp định về thương mại hàng hóa ASEAN/ATIGA năm 2009.
3. Ha Van Hoi (2012), *Agreement on Trans-Pacific partners: Opportunities and challenges for Vietnam's export*, The conference TPP- Foreign Trade University, Hanoi.
4. Hà Văn Hội (2013), *Đặc điểm của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) trong những năm gần đây và những tác động tới thương mại quốc tế của Việt Nam*. Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và chính trị thế giới, 8.2013.
5. Vũ Huy Hoàng (2013), *Cộng đồng kinh tế ASEAN Ưu tiên hội nhập kinh tế ASEAN*. http://www.mofahcm.gov.vn/mofa/nr091019080134/nr091019083649/ns100805083136/newsitem_print_preview.
6. Trần Thị Tuyết Minh (2013), *Hướng tới hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN*, <http://www.baocongthuong.com.vn/>
7. TPP: "Cuộc chơi" chủ động của Việt Nam trong hội nhập" - <http://vef.vn/2010-11-30-tpc-cuoc-choi-chu-dong-cua-viet-nam-trong-hoi-nhap>.
8. Brock R. Williams (2013), *Analyst in International Trade and Finance, Trans-Pacific Partnership (TPP) Countries: Comparative Trade and Economic*. CRS Report for Congress.
9. Phạm Duy Nghĩa (2013), *Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP): cơ hội nào cho Việt Nam*, NXB Thời đại TP. Hồ Chí Minh.